

DANH MỤC KỸ THUẬT CHUYÊN KHOA HSCC-CD

STT	MÃ	DANH MỤC KỸ THUẬT	Phân loại kỹ thuật
		A. TUẦN HOÀN	
1	2030.01.2	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	T3
2	2030.01.9	Đặt catheter động mạch	T3
3	2030.01.18	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	T3
4	2030.01.28	Theo dõi SPO ₂ liên tục tại giường ≤ 8 giờ	T3
5	2030.01.32	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu	T3
6	2030.01.41	Chọc dò màng ngoài tim cấp cứu	T3
		B. HÔ HẤP	
7	2030.01.80	Thay canuyn mở khí quản	T3
8	2030.01.81	Đánh giá mức độ nặng của cơn hen phế quản bằng peak flow meter	T3
9	2030.01.82	Đánh giá mức độ nặng của COPD bằng FEV1 (một lần)	T3
10	2030.01.83	Theo dõi ETCO ₂ ≤ 8 giờ	T2
11	2030.01.84	Thăm dò CO ₂ trong khí thở ra	T3
12	2030.01.85	Vận động trị liệu hô hấp	T3
13	2030.01.86	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)	T3
14	2030.01.87	Khí dung thuốc qua thở máy (một lần)	T3
15	2030.01.88	Làm ẩm đường thở qua máy phun sương mù	T3
16	2030.01.89	Đặt canuyn mở khí quản 02 nồng	T3
17	2030.01.91	Chọc hút dịch khí phế quản qua màng nhĩn giáp	T3
18	2030.01.92	Siêu âm màng phổi cấp cứu	T2
19	2030.01.93	Chọc hút dịch – khí màng phổi bằng kim hay catheter	T3
20	2030.01.94	Dẫn lưu khí màng phổi áp lực thấp ≤ 8 giờ	T3
21	2030.01.95	Mở màng phổi cấp cứu	T3
22	2030.01.96	Mở màng phổi tối thiểu bằng troca	T3
23	2030.01.97	Dẫn lưu màng phổi liên tục ≤ 8 giờ	T3
24	2030.01.128	Thông khí nhân tạo không xâm nhập ≤ 8 giờ	T3
25	2030.01.129	Thông khí nhân tạo CPAP qua van Boussignac ≤ 8 giờ	T3
26	2030.01.130	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức CPAP ≤ 8 giờ	T3
27	2030.01.131	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức BiPAP ≤ 8 giờ	T3
28	2030.01.132	Thông khí nhân tạo xâm nhập ≤ 8 giờ	T3
29	2030.01.133	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức VCV ≤ 8 giờ	T3
30	2030.01.134	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức PCV ≤ 8 giờ	T3
31	2030.01.135	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức A/C (VCV) ≤ 8 giờ	T3
32	2030.01.136	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức SIMV ≤ 8 giờ	T3
33	2030.01.137	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức PSV ≤ 8 giờ	T3
34	2030.01.138	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức CPAP ≤ 8 giờ	T3
35	2030.01.139	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức APRV ≤ 8 giờ	T2
36	2030.01.144	Thông khí nhân tạo trong khi vận chuyển	T3
37	2030.01.145	Cai thở máy bằng phương thức SIMV ≤ 8 giờ	T3

38	2030.01.146	Cai thở máy bằng phương thức PSV ≤ 8 giờ	T3
39	2030.01.147	Cai thở máy bằng thở T-tube ngắt quãng ≤ 8 giờ	T3
40	2030.01.151	Kỹ thuật thử nghiệm tự thở CPAP	T3
41	2030.01.154	Theo dõi các thông số cơ học phổi ≤ 8 giờ	T3
42	2030.01.155	Gây mê liên tục kiểm soát người bệnh thở máy ≤ 8 giờ	T3
43	2030.01.157	Cố định lồng ngực do chấn thương gây xương sườn	T3
44	2030.01.158	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	T3
45	2030.01.159	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp nâng cao	T3
		C. THẬN - LỌC MÁU	
46	2030.01.160	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	T3
47	2030.01.161	Chọc hút nước tiểu trên xương mu	T3
48	2030.01.162	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang trên khớp vệ	T3
49	2030.01.163	Mở thông bàng quang trên xương mu	T3
50	2030.01.164	Thông bàng quang	T3
51	2030.01.165	Rửa bàng quang lấy máu cục	T3
52	2030.01.166	Vận động trị liệu bàng quang	T3
53	2030.01.167	Chọc thăm dò bể thận dưới hướng dẫn của siêu âm	T2
54	2030.01.170	Bài niệu cường bức ≤ 8 giờ	T3
55	2030.01.171	Kiểm hóa nước tiểu tăng thải trừ chất độc ≤ 8 giờ	T3
		F. MẮT	
56	2030.01.201	Soi đáy mắt cấp cứu	T3
57	2030.01.202	Chọc dịch tủy sống	T3
58	2030.01.208	Siêu âm Doppler xuyên sọ	T2
59	2030.01.210	Làm test chết não thực hiện trong 12-24 giờ	T2
60	2030.01.211	Vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường ≤ 8 giờ	T3
61	2030.01.212	Theo dõi oxy tế bào não (PbO ₂) ≤ 8 giờ	T2
62	2030.01.213	Điều trị co giật liên tục ≤ 8 giờ	T3
63	2030.01.214	Điều trị giãn cơ trong cấp cứu ≤ 8 giờ	T3
		D. TIÊU HOÁ	
64	2030.01.215	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa	T3
65	2030.01.216	Đặt ống thông dạ dày	T3
66	2030.01.218	Rửa dạ dày cấp cứu	T3
67	2030.01.219	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín	T3
68	2030.01.220	Rửa toàn bộ hệ thống tiêu hóa (dạ dày, tiểu tràng, đại tràng)	T3
69	2030.01.221	Thụt tháo	T3
70	2030.01.222	Thụt giữ	T3
71	2030.01.223	Đặt ống thông hậu môn	T3
72	2030.01.224	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)	T3
73	2030.01.225	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay (một lần)	T3
74	2030.01.226	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông hồng tràng ≤ 8 giờ	T3
75	2030.01.227	Nuôi dưỡng người bệnh liên tục bằng máy truyền thức ăn qua ống thông dạ dày ≤ 8 giờ	T3
76	2030.01.228	Nuôi dưỡng người bệnh qua lỗ mở dạ dày (một lần)	T3
77	2030.01.229	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên ≤ 8 giờ	T3
78	2030.01.230	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch trung tâm ≤ 8 giờ	T3

79	2030.01.231	Đặt ống thông Blakemore vào thực quản cầm máu	T3
80	2030.01.232	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chẩn đoán và cầm máu	T3
81	2030.01.233	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu có gây mê tĩnh mạch	T3
82	2030.01.238	Đo áp lực ổ bụng	T3
83	2030.01.239	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu	T3
84	2030.01.240	Chọc dò ổ bụng cấp cứu	T3
85	2030.01.241	Dẫn lưu dịch ổ bụng cấp cứu ≤ 8 giờ	T3
86	2030.01.242	Rửa màng bụng cấp cứu	T3
87	2030.01.243	Dẫn lưu ổ bụng trong viêm tụy cấp ≤ 8 giờ	T3
88	2030.01.244	Chọc dẫn lưu ổ áp xe dưới siêu âm	T3
		E. TOÀN THÂN	
89	2030.01.245	Cân người bệnh tại giường bằng cân treo hay cân điện tử	T3
90	2030.01.246	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	T3
91	2030.01.247	Hạ thân nhiệt chỉ huy	T3
92	2030.01.248	Nâng thân nhiệt chỉ huy	T3
93	2030.01.249	Giải stress cho người bệnh	T3
94	2030.01.250	Kiểm soát đau trong cấp cứu	T3
95	2030.01.251	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)	T3
96	2030.01.252	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch ≤ 8 giờ	T3
97	2030.01.253	Lấy máu tĩnh mạch bệnh	T3
98	2030.01.254	Truyền máu và các chế phẩm máu	T3
99	2030.01.255	Kiểm soát pH máu bằng bicarbonate ≤ 8 giờ	T3
100	2030.01.256	Điều chỉnh tăng/giảm kali máu bằng thuốc tĩnh mạch	T3
101	2030.01.257	Điều chỉnh tăng/giảm natri máu bằng thuốc tĩnh mạch	T3
102	2030.01.258	Kiểm soát tăng đường huyết chỉ huy ≤ 8 giờ	T3
103	2030.01.259	Rửa mắt tẩy độc	T3
104	2030.01.260	Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê (một lần)	T3
105	2030.01.261	Vệ sinh răng miệng đặc biệt (một lần)	T3
106	2030.01.262	Gội đầu cho người bệnh tại giường	T3
107	2030.01.263	Gội đầu tẩy độc cho người bệnh	T3
108	2030.01.264	Tắm cho người bệnh tại giường	T3
109	2030.01.265	Tắm tẩy độc cho người bệnh	T3
110	2030.01.266	Xoa bóp phòng chống loét	T3
111	2030.01.267	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)	T3
112	2030.01.268	Phục hồi chức năng vận động, nói, nuốt cho người bệnh cấp cứu ≤ 8 giờ	T3
113	2030.01.269	Băng ép bất động sơ cứu rấn cắn	T3
114	2030.01.270	Ga rô hoặc băng ép cầm máu	T3
115	2030.01.271	Dùng thuốc kháng độc điều trị giải độc	T3
116	2030.01.272	Sử dụng than hoạt đa liều cấp cứu ngộ độc ≤ 8 giờ	T3
117	2030.01.273	Điều trị giải độc bằng huyết thanh kháng nọc đặc hiệu	T3
118	2030.01.274	Điều trị giải độc ngộ độc rượu cấp	T3
119	2030.01.275	Băng bó vết thương	T3
120	2030.01.276	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	T3
121	2030.01.277	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng	T3
122	2030.01.278	Vận chuyển người bệnh cấp cứu	T3

123	2030.01.279	Vận chuyển người bệnh chấn thương cột sống thắt lưng	T3
124	2030.01.280	Vận chuyển người bệnh nặng có thở máy	T3
		G. XÉT NGHIỆM	
125	2030.01.281	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)	T3
126	2030.01.282	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm	T3
127	2030.01.283	Lấy máu các động mạch khác xét nghiệm	T3
128	2030.01.284	Định nhóm máu tại giường	T3
129	2030.01.285	Xét nghiệm đông máu nhanh tại giường	T3
130	2030.01.286	Đo các chất khí trong máu	T3
131	2030.01.287	Đo lactat trong máu	T3
132	2030.01.288	Định tính chất độc bằng test nhanh – một lần	T3
133	2030.01.296	Phát hiện opiat bằng naloxone	T3
134	2030.01.302	Xác định nhanh INR/PT/ Quick % tại chỗ bằng máy cầm tay	T3
		H. THĂM DÒ KHÁC	
135	2030.01.303	Siêu âm cấp cứu tại giường bệnh	T3
136	2030.01.304	Chụp X quang cấp cứu tại giường	T3